

Số: /BC- THHC

Hiệp Cát, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Hiệp Cát

2. Địa chỉ, trụ sở chính: Thôn Kim Độ, xã Hiệp Cát, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Thư điện tử: c1hiepcat@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: ns-thhiepcat.edu.vn

3. Loại hình trường, cơ quan chủ quản:

- Loại hình trường: Công lập

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân huyện Nam Sách

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, giúp học sinh phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và nhân cách.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Tiểu học Hiệp Cát trở thành ngôi trường kiểu mẫu, đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng mức độ 3, chuẩn quốc gia mức độ 2 ở mức chất lượng cao, hướng đến đào tạo thế hệ học sinh có khả năng hội nhập quốc tế.

Mục tiêu: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đảm bảo 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoại ngữ.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường Tiểu học Hiệp Cát được thành lập từ tháng 9 năm 1965 với tên gọi là trường cấp I xã Hiệp Cát. Sau đó, trường được sát nhập với trường Cấp II lấy tên là Trường Phổ thông Cơ sở Hiệp Cát. Trong những năm mới thành lập, nhà trường gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất. Các lớp học là nhà cấp 4, học sinh thừa thớt, số lớp học ít. Khuôn viên chật hẹp ảnh hưởng lớn đến việc nâng cao chất lượng giáo dục, trường còn phải học nhờ trong các khu dân cư. Song nhiều thế hệ giáo viên của nhà trường vẫn tâm huyết, yêu nghề, bám trường, bám lớp duy trì hoạt động và xây dựng phát triển nhà trường.

Từ năm 1993 trường được tách ra từ trường Phổ thông Cơ sở và thành lập Trường Tiểu học Hiệp Cát thuộc địa giới hành chính xã Hiệp Cát. Trường nằm trung tâm xã Hiệp Cát.

Là ngôi trường có bề dày truyền thống với hơn 60 năm xây dựng và phát triển, các thế hệ thầy trò đã thực hiện tốt phong trào thi đua “Dạy tốt - học tốt”. Nhiều thế hệ giáo viên của nhà trường luôn tâm huyết, yêu nghề, duy trì hoạt

động và xây dựng phát triển nhà trường với phương châm “Tất cả vì học sinh thân yêu”. Từ mái trường thân yêu này đã có nhiều thế hệ học sinh trưởng thành góp phần xây dựng đất nước và nêu cao truyền thống quê hương. Trường Tiểu học Hiệp Cát đang ngày càng khẳng định vị thế của trường Tiểu học có chất lượng trong tốp đầu của Huyện. Năm 2004, trường được Ủy ban nhân tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I. Duy trì những thành tích đã đạt được đến năm 2023, nhà trường được UBND tỉnh Hải Dương đã đánh giá và công nhận lại trường chuẩn Quốc gia mức độ I, kiểm định chất lượng cấp độ III. Phát huy thành tích nhà trường đã đạt được, trong 5 năm học vừa qua trường Tiểu học Hiệp Cát đều đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. Trong những năm học tới, tập thể cán bộ, giáo viên và học sinh trường Tiểu học Hiệp Cát quyết tâm phấn đấu nâng cao hơn nữa chất lượng mọi mặt hoạt động, duy trì và giữ vững các tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia mức độ I và phấn đấu đạt chuẩn mức độ II, góp phần tích cực cho phong trào giáo dục của huyện Nam Sách và của tỉnh Hải Dương, không ngừng đi lên trong thời kỳ đổi mới hội nhập khu vực và quốc tế.

Hiện nay, tổ chức nhà trường gồm: Chi bộ, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng; Công đoàn cơ sở; Chi Đoàn Thanh niên; các tổ chuyên môn, tổ văn phòng.

Trong 5 năm học gần đây, nhà trường luôn cố gắng kế thừa, phát huy những thành tích đã đạt được. Duy trì giữ vững trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I. Nhà trường không ngừng phát triển cả về chất lượng, thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong từng năm học và cả giai đoạn phát triển giáo dục. Trường có đội ngũ cán bộ quản lý vững vàng, giáo viên có trình độ chuẩn và trên chuẩn theo luật giáo dục 2019 là 100%. Tập thể nhà trường luôn đoàn kết, thống nhất, được nhân dân và cha mẹ học sinh tin tưởng. Chi bộ nhiều năm liền đạt Chi bộ Hoàn thành Tốt và Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ được được Đảng ủy xã Hiệp Cát tặng giấy khen. Công đoàn Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ, Chi đoàn Vững mạnh, Liên đội Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ. Các thầy, cô giáo luôn tích cực tự học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình tâm huyết với nghề. Trong 5 năm, nhiều thầy cô được cấp trên khen thưởng và công nhận danh hiệu CSTĐ, nhiều học sinh đạt giải cao trong các cuộc thi, giao lưu cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia.

Từ năm học 2020-2021 đến nay có 9 lượt giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp huyện; 15 lượt CB, GV đạt CSTĐ cấp cơ sở; Có 15 lượt cán bộ, giáo viên được UBND huyện tặng giấy khen. Học sinh đạt giải thi, giao lưu cấp huyện: 110 em, cấp tỉnh: 50 em, cấp quốc gia: 8 em. HS thi lớp 6 vào trường THCS chất lượng cao luôn đứng ở tốp đầu trong toàn huyện. Chất lượng giáo dục của nhà trường được nâng lên qua từng học kì, từng năm học.

Trường phát triển quy mô tăng dần từ khi thành lập có 2 lớp, gần 100 học sinh lên tới 21 lớp, 654 học sinh vào năm 2024-2025. Đội ngũ cán bộ, giáo viên,

nhân viên với trình độ 100% trên chuẩn. Cơ sở vật chất đảm bảo đủ các phòng học, phòng chức năng.

- Năm học 2024-2025.

+ Về tổ chức nhà trường:

Số lớp: 21 lớp; số học sinh: 654 học sinh.

Số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 33 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 2; Giáo viên dạy văn hóa: 21; Giáo viên Thể chất: 02; Giáo viên dạy Tiếng Anh: 02; Giáo viên dạy Mỹ thuật: 01; Giáo viên dạy Tin học: 01; Giáo viên dạy Âm nhạc: 01; Nhân viên: 03.

Trình độ chuyên môn: CBQL: 2 Đại học, Giáo viên: Đại học: 28 đ/c; Nhân viên: 3 Đại học.

+ Về cơ sở vật chất: Tất cả các phòng đều kiên cố cao tầng trong đó Khối hành chính: 6 phòng; Khối phòng học tập: 24 phòng (Trong đó lớp học 21, phòng bộ môn 3 phòng);

Khối phòng hỗ trợ học tập: 4 phòng (Nhà đa chức năng: 01; thư viện: 3; Phòng Thiết bị GD; 01)

Khối phòng phụ trợ: 8 phòng (Phòng hội đồng + Tiếp dân: 01; Phòng y tế: 01; Phòng tư vấn+Hỗ trợ học sinh khuyết tật: 01; Khu vệ sinh học sinh: 4; Khu vệ sinh giáo viên: 01.

Sân chơi bãi tập khang trang sạch đẹp. Hệ thống thiết bị đồ dùng dạy học, sách, tài liệu tham khảo theo danh mục quy định phục vụ tốt các hoạt động dạy và học của nhà trường.

+ Chất lượng giáo dục đại trà cũng như chất lượng mũi nhọn luôn ổn định và phát triển.

6. Thông tin người đại diện:

Họ và tên: Trần Thiện Khiêm

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0904388607

Địa chỉ thư điện tử: xuananhminh@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

Trường Tiểu học Hiệp Cát có cơ cấu tổ chức gồm:

Chi bộ đảng: 29 đảng viên, Ban chấp hành 3 đồng chí, 01 Bí thư chi bộ, 01 Phó bí thư chi bộ, 01 Ủy viên Ban chấp hành.

Chi đoàn thanh niên: 8 đoàn viên, Ban chấp hành chi đoàn có 3 đồng chí, 01 Bí thư, 01 phó bí thư, 01 ủy viên.

Tổ chức bộ máy:

+ Lãnh đạo: 1 Hiệu trưởng và 1 Phó Hiệu trưởng

+ 3 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng.

+ Tổng số giáo viên: 28 (trong đó, giáo viên có trình độ đạt chuẩn 100%)

+ Nhân viên hành chính và phục vụ: 3

Lớp học sinh; 21 lớp Khối 1: 4 lớp, khối 2: 4 lớp, khối 3: 4 lớp, khối 4: 5 lớp, khối 5: 4 lớp.

Trường thực hiện đầy đủ các quy định về tổ chức hoạt động giáo dục, quản lý tài chính và các văn bản pháp quy liên quan theo sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Loại hình công việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Trình độ đạt chuẩn (%)	Trình độ trên chuẩn (%)	Đánh giá chuẩn NN			Số lượng hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên (%)
					Tốt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	
Giáo viên	28	84.8	100	0	96.4	3.6	0	100
Cán bộ quản lý	2	6.1	100	0	100	0	0	100
Nhân viên hành chính	3	9.1	100	0	-	-	-	-
Tổng cộng	33	100.00	100	0	96.7	3.3	0	100

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Khuôn viên diện tích đất

Diện tích đất 7021 m²;

Khu sân thể dục thể thao diện tích đất 2500 m²

Tổng diện tích đất bình quân: 10.7 m²/HS.

2. Các khối công trình (có bảng thống kê kèm theo)

a. Khối phòng học, phòng chức năng, phụ trợ: Gồm 04 dãy nhà, tổng diện tích công trình là: 2.508m²

Dãy nhà thứ nhất 02 tầng 11 phòng học, 01 phòng Đội, Y tế học đường, 02 phòng vệ sinh học sinh ở 2 tầng;

Dãy nhà thứ hai 02 tầng 3 phòng học, 01 phòng chức năng, 01 phòng Hội đồng, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng KT-VT.

Dãy nhà thứ ba 02 tầng 6 phòng học, 01 phòng thư viện, 01 phòng đọc học sinh, 01 phòng thiết bị.

Một nhà xe học sinh kết cấu thép: diện tích 120m²

Một nhà xe giáo viên kết cấu thép: diện tích 70m²

Hai khu nhà vệ sinh: 01 của giáo viên (60m²), 01 của học sinh (60m²).

c. Khu sân thể dục, thể thao

Tổng diện tích 2550m² trong đó diện tích sân tập 800m² diện tích cây xanh lối đi nội bộ 1750m²

d. Cổng tường rào khuôn viên đều được xây dựng bằng vật liệu cứng, chiều cao trung bình 1,8m, ngăn cách giữa bên ngoài với khuôn viên trường, đảm bảo an toàn cho học sinh.

Bảng thống kê chi tiết hạ tầng công trình xây dựng

STT	Tên công trình	Số phòng	Diện tích 1 phòng m2	Tổng diện tích m2	Công năng sử dụng				
					Hành chính quản trị	Khối P.học	Hỗ trợ học tập	Khối phụ trợ	Khối sinh hoạt
	Tổng diện tích đất			7021					
	Tổng diện tích xây dựng			2508					
	Tỷ lệ% diện tích đất xây dựng			29.3					
I	Nhà thứ nhất (2 tầng phía Tây)			650					
1	Phòng học	11	56	616		11			
2	Phòng Y tế + phòng đội	2	28	56				2	
3	Công trình vệ sinh HS gắn 2 tầng	2	28	56				2	
II	Nhà thứ hai (2 tầng hướng Nam giáp cánh đồng)			490					
1	Phòng học	6	53.2	319.2		6			
2	Thư viện + thiết bị	1	26.5	26.5			1		
3	Phòng đọc	1	77.9	77.9			1		
III	Nhà thứ ba (2 tầng giữa)		197						
1	Phòng học + phòng bộ môn	6	42.7	256		4	2		
IV	Nhà thứ tư (1 tầng phía Đông)			324					
1	Phòng học + phòng bộ môn	4	53.2	212.8		3	1		
2	Phòng Hiệu trưởng	1	17.7	17.7	1				
3	Phòng Phó hiệu trưởng	1	17.7	17.7	1				
4	Phòng KT+VT	1	17.7	17.7	1				
5	Phòng HĐ	1	53.2	53.2	1				
6	Nhà vệ sinh học sinh	2	30	60				1	
V	Nhà bảo vệ	1	12	12	1				
VI	Nhà xe học sinh	1	120	120				1	
VII	Nhà xe giáo viên	1	70	70	1				

VIII	Sân chơi, lối đi, cây xanh			1750				1	
IX	Lối đi cây xanh			310					
	Cộng				6	24	5	7	0

Bảng thống kê thiết bị dạy học:

KHỐI 1

KHỐI 2

TT	Tên Thiết bị dạy học	ĐVT	TT	Tên Thiết bị dạy học	ĐVT
1	Môn Tiếng Việt		1	Môn Tiếng Việt	
	Bộ chữ học vần biểu diễn GV	Bộ		Bộ chữ dạy tập viết	Bộ
	Bộ chữ học vần thực hành HS	Bộ		Mẫu chữ viết trong trường TH	Tờ
	Bộ ảnh dạy Âm vần	Bộ		Bảng gài	Cái
	Bộ tranh Tập đọc	Bộ		Bộ tranh Tập đọc	Bộ
	Mẫu chữ trong trường TH	Bộ	2	Môn Toán	
	Bộ chữ dạy Tập viết	Bộ		Bộ đồ dùng học toán	Bộ
	Bộ tranh dạy luyện nói	Bộ		Đồng hồ biểu diễn	Cái
	Bảng Nĩ 1.2.3	Cái		Bộ biểu diễn dạy toán GV	Bộ
2	Môn Toán			Bộ biểu diễn mô hình dạy hình CN, Tứ giác	Bộ
	Bộ dạy toán biểu diễn GV	Bộ		Thước nhựa	Cái
	Bộ hình học phẳng	Bộ		Bộ chai và ca lít	Bộ
	Bộ đồ dùng dạy học toán	Bộ		Cân đĩa kèm theo hộp quả cân	Bộ
	Đồng hồ	Cái		Bảng gài học toán	Cái
	Bộ dạy toán thực hành	Bộ	3	Môn đạo đức	
	Bảng phụ	Cái		Bộ tranh thực hành đạo đức	Bộ
	Nam châm	Hộp		Tranh Đạo đức	Bộ
	Thước mét	Cái	4	Môn thủ công	
3	Môn THXH			Tranh Thủ công	Bộ
	Bộ Tranh THXH	Bộ	5	Môn tự nhiên xã hội	
	Bộ tranh thủ công	Bộ		Bản đồ tự nhiên Thế giới	Tờ
4	Môn đạo đức			Tranh tự nhiên xã hội	Bộ
	Bộ Tranh Đạo đức	Bộ			

KHỐI 3

KHỐI 4

TT	Tên Thiết bị dạy học	ĐVT	TT	Tên Thiết bị dạy học	ĐVT
1	Bộ toán cho học sinh	Bộ		TRANH ẢNH	
2	Bộ toán cho giáo viên	Bộ	1	Bộ tranh Tiếng Việt	
3	Bộ châm tròn để dạy học bảng nhân và bảng chia	Bộ		- Bộ tranh dạy kể chuyện (11tờ)	Bộ
4	Eke vuông	Cái		- Bộ tranh dạy Tập làm văn (26 tờ)	Bộ
5	Compa dùng cho giáo viên	Cái		- Bộ tranh dạy Tập đọc	Bộ
6	Thước đo độ dài dạy về mm,cm,dm,m (loại 1m và 0,5m)		2	Bộ tranh dạy Đạo đức (5tờ)	Bộ
	Loại 100cm	Cái	3	Bộ tranh dạy Khoa học (4 tờ)	Bộ
	Loại 50cm	Cái	4	Bộ tranh dạy lịch sử(3tờ)	Bộ
7	Bộ lắp ghép hình gồm 8 tam giác Vuông cân bằng nhau	Bộ	5	Bộ tranh dạy Địa lý (6tờ)	Bộ
8	Lưới ô vuông và một số hình học	Cái		BẢN ĐỒ LỊCH SỬ	

9	Bảng cài	Cái	1	Lược đồ Bắc bộ và Bắc trung bộ	Tờ
10	Mô hình đồng hồ, quay được cả kim giờ, kim phút	Cái	2	Lược đồ cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất (981)	Tờ
11	Bộ Số từ 0 -9; dấu phép tính, dấu so sánh	Cái	3	Lược đồ Phòng tuyến sông Như Nguyệt(sông cầu)	Tờ
	Thiết bị môn TNXH		4	Lược đồ chiến thắng Chi lăng	Tờ
1	Bộ tranh về các cơ quan		5	Lược đồ Quang Trung đại phá quân thanh	Tờ
	- Cơ quan hô hấp	Tờ	6	Các giai đoạn và sự kiện LS tiêu Biểu (3tờ)	Bộ
	- Cơ quan tuần hoàn	Tờ		BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ	
	- Cơ quan bài tiết nước tiểu	Tờ	1	Bản đồ Việt Nam - Địa lý tự nhiên	Tờ
	- Cơ quan thần kinh	Tờ	2	Bản đồ hành chính Việt Nam	Tờ
	- Sơ đồ vòng tuần hoàn	Tờ	3	Bản đồ trống địa lý tự nhiên Việt Nam	Tờ
2	Mô hình trái đất quay quanh mặt trời,mặt trăng quay quanh TĐ	Bộ	4	Bản đồ nước CHXHCNVN	Tờ
	Thiết Bị môn Tiếng việt			MÔN KHOA HỌC	
1	Bộ chữ dạy tập viết	Bộ	1	Hộp đối lưu	Hộp
2	Mẫu chữ viết trong trường TH	Bộ	2	Hộp thí nghiệm"vai trò của ánh sáng"	Hộp
3	Bộ chữ viết mẫu tên riêng	Bộ	3.1	Ống trụ dài 1	Ống
4	Bộ tranh Tập đọc	Bộ	4	Bình TN sự giãn nở vì nhiệt của chất lỏng	
5	Bộ tranh Kể chuyện	Bộ	4.1	- Bình tam giác	Bình
	Thiết bị môn Đạo đức		4.2	- Ống thủy tinh	Ống
1	Ảnh tư liệu về Bác Hồ với Thiếu nhi	Bộ	4.3	- Bảng vạch chia chữ U	Cái
	- Bác Hồ trong lễ kỉ niệm ngày 02/9		5	Nhiệt kế	Cái
	- Bác Hồ đang nói với các cháu nhi đồng		6	Nhiệt kế y tế	Cái
2	Tranh Tình huống dùng cho HĐ 1,tiết 1	Tờ		Ống trụ dài	Ống
3	Tranh Tình huống dùng cho HĐ 1,tiết 1	Tờ		Ống trụ ngắn	Ống
4	Tranh Minh hoạ chuyện " Bó hoa đẹp nhất"	Tờ		Chậu nhựa	Cái
KHỐI 5				Nắp nhựa PCV	Cái
TT	Tên Thiết bị dạy học	ĐVT		Đĩa đèn	Cái
	TRANH ẢNH			Đèn pin nhỏ	Cái
1	Bộ Tranh Tiếng Việt		7	Bộ dụng cụ Kỹ thuật	
	- Bộ tranh dạy Kể chuyện (11tờ)	Bộ	7.1	- Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật GV	Bộ
	- Bộ tranh dạy Tập làm văn (26 tờ)	Bộ	7.2	- Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật HS	Bộ
	- Bộ tranh dạy Tập đọc	Bộ	8	Thiết bị môn Toán	
2	Bộ tranh dạy Đạo đức (5tờ)	Bộ	8.1	- Bộ biểu diễn môn toán giáo viên	Bộ

3	Bộ tranh dạy Khoa học (4 tờ)	Bộ	8.2	- Bộ toán thực hành HS	Bộ
4	Bộ tranh dạy lịch sử(3tờ)	Bộ	9	Thiết bị dùng chung	Cái
5	Bộ tranh dạy Địa lý (6tờ)	Bộ		- Thước dây dài 3m	Cái
	BẢN ĐỒ LỊCH SỬ			- Eke	Cái
1	Lược đồ Bắc bộ và Bắc trung bộ	Tờ		- Thước nhôm dài 1m	Cái
2	Lược đồ Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất (981)	Tờ		-Thước nhôm 0,5cm	Cái
3	Lược đồ Phòng tuyến sông Như Nguyệt(sông Cầu)	Tờ		- Bảng phụ	Cái
4	Lược Đồ chiến thắng Chi lăng	Tờ		- Bảng nhóm	Cái
5	Lược Đồ Quang Trung đại phá quân thanh	Tờ		- Com pa	Cái
6	Các giai đoạn và sự kiện LS tiêu Biểu (3tờ)	Bộ		Bảng Ni	Cái
	BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ			Bảng M ²	Cái
1	Bản đồ Việt Nam - Địa lý tự nhiên	Tờ		Nep Tranh	Cái
2	Bản đồ hành chính Việt Nam	Tờ	10	Bộ dụng cụ thêu	
3	Bản đồ trống địa lý tự nhiên Việt Nam	Tờ	1	Kéo cắt vải	Cái
4	Bản đồ nước CHXHCNVN	Tờ	2	Kéo bấm chỉ	Cái
	MÔN KHOA HỌC		3	Vải hoa (0,8mx0,5m)	Tấm
1	Hộp đôi lưu	Hộp	4	Thước dây 1,5m	Cái
2	Hộp thí nghiệm"vai trò của Ánh sáng"	Hộp	5	Khung thêu	Cái
3.1	Ống Trụ dài 1	Ống	6	Kim gút	Cây
4	Bình TN sự giãn nở vì nhiệt của chất lỏng		7	Len (xanh, đỏ)	Cuộn
4.1	- Bình tam giác	Bình			
4.2	- Ống thủy tinh	Ống			
4.3	- Bảng vạch chia chữ U	Cái			
5	Nhiệt kế	Cái			
6	Nhiệt kế y tế	Cái			
	Ống trụ dài	Ống			
	Ống trụ ngắn	Ống			
	Chậu nhựa	Cái			
	Nắp nhựa PCV	Cái			
	Đĩa Đền	Cái			
	Đèn Pin nhỏ	Cái			
7	Bộ dụng cụ kĩ thuật				
7.1	- Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật GV	Bộ			
7.2	- Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật HS	Bộ			
8	Thiết bị môn Toán				
8.1	- Bộ biểu diễn môn Toán giáo viên	Bộ			
8.2	- Bộ Toán thực hành HS	Bộ			
9	Thiết bị dùng chung	Cái			

	- Thuộc dây dài 3m	Cái
	-Eke	Cái
	- Thuộc nhôm dài 1m	Cái
	-Thuộc Nhôm 0,5cm	Cái
	- Bảng phụ	Cái
	- Bảng nhóm	Cái
	- Com pa	Cái
	Bảng Ni	Cái
	Bảng M ²	Cái
	Nẹp Tranh	Cái
10	Bộ dụng cụ thêu	
1	Kéo Cắt vải	Cái
2	Kéo Bấm chỉ	Cái
3	Vải Hoa (0,8mx0,5m)	Tám
4	Thuộc Dây 1,5m	Cái
5	Khung Thêu	Cái
6	Kim Gút	Cây
7	Len (xanh, đỏ)	Cuộn

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường.

TT	TÊN SÁCH	Giá tiền	Bộ sách	TT	TÊN SÁCH	Giá tiền	Bộ sách
1	Tiếng Việt 1, tập một	26.000	KNTT	52	Vở bài tập Toán 3, tập 1	17.000	KNTT
2	Tiếng Việt 1, tập hai	25.000	KNTT	53	Vở bài tập Toán 3, tập 2	18.000	KNTT
3	Toán 1, tập một	14.000	KNTT	54	Vở bài tập TN&XH 3	18.000	Cánh điều
4	Toán 1, tập hai	12.900	KNTT	55	Vở BT Tin 3	10.000	KNTT
5	Tự nhiên và Xã hội 1	19.700	Cánh điều	56	Vở BT CN 3	7.000	KNTT
6	Đạo đức 1	10.000	KNTT	57	Vở bài tập Đạo đức 3	9.000	KNTT
7	Âm nhạc 1	8.000	KNTT	58	Bộ sách Tiếng Anh 3 (3 quyển)	139.700	Global
8	Mĩ thuật 1	10.400	VSBD	59	Tiếng Việt 4, tập một	19.700	KNTT
9	Hoạt động trải nghiệm 1	13.500	Cánh điều	60	Tiếng Việt 4, tập hai	19.000	KNTT
10	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 1	13.000	KNTT	61	Toán 4, tập một	15.000	KNTT
11	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 2	13.000	KNTT	62	Toán 4, tập hai	12.700	KNTT
12	Tập viết 1/1	9.000	KNTT	63	Tin học 4	10.000	KNTT
13	Tập viết 1/2	8.000	KNTT	64	Khoa học	15.900	Cánh điều
14	Vở bài tập Toán 1, tập 1	16.000	KNTT	65	Lịch sử&Địa lý	16.600	Cánh điều
15	Vở bài tập Toán 1, tập 2	16.000	KNTT	66	Công nghệ 4	8.000	KNTT
16	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1	19.000	Cánh điều	67	Đạo đức 4	9.000	KNTT
17	Vở bài tập Đạo đức 1	11.000	KNTT	68	Âm nhạc 4	8.900	KNTT
18	Bộ sách Tiếng Anh (2 quyển)	114.000	Phonics	69	Mĩ thuật 4	9.900	CTST
19	Tiếng Việt 2, tập một	21.000	KNTT	71	Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập	17.000	KNTT

20	Tiếng Việt 2, tập hai	21.000	KNTT
21	Toán 2, tập một	17.300	KNTT
22	Toán 2, tập hai	17.000	KNTT
23	Tập viết 2/1	7.000	KNTT
24	Tập viết 2/2	6.000	KNTT
25	Tự nhiên và Xã hội 2	17.700	Cánh diều
26	Đạo đức 2	9.900	KNTT
27	Âm nhạc 2	8.000	KNTT
28	Mĩ thuật 2	10.700	CTST
29	Hoạt động trải nghiệm 2	13.900	Cánh diều
30	Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 1	14.000	KNTT
31	Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2	14.000	KNTT
32	Vở bài tập Toán 2, tập 1	20.000	KNTT
33	Vở bài tập Toán 2, tập 2	19.000	KNTT
34	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2	16.000	Cánh diều
35	Vở bài tập Đạo đức 2	11.000	KNTT
36	Bộ sách Tiếng Anh (2 quyển)	130.000	Phonic s
37	Tiếng Việt 3, tập một	20.000	KNTT
38	Tiếng Việt 3, tập hai	18.200	KNTT
39	Toán 3, tập một	15.500	KNTT
40	Toán 3, tập hai	15.900	KNTT
41	Tin học 3	10.000	KNTT
42	Công nghệ 3	9.000	KNTT
43	Tập viết 3/1	6.000	KNTT
44	Tập viết 3/2	6.000	KNTT
45	Tự nhiên và Xã hội 3	17.700	Cánh diều
46	Đạo đức 3	9.000	KNTT
47	Âm nhạc 3	8.700	KNTT
48	Mĩ thuật 3	9.800	CTST
49	Hoạt động trải nghiệm 3	14.200	Cánh diều
50	Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập 1	12.000	KNTT
51	Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập 2	11.000	KNTT

	1		
72	Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 2	17.000	KNTT
73	Vở bài tập Toán 4, tập 1	20.000	KNTT
74	Vở bài tập Toán 4, tập 2	19.000	KNTT
75	Vở bài tập Đạo đức 4	8.000	KNTT
76	Vở BT Công nghệ 4	6.000	KNTT
77	Vở BT Tin 4	10.000	KNTT
78	Vở BT Khoa học 4	18.000	Cánh diều
79	Vở BT LS& ĐL 4	20.000	Cánh diều
80	Bộ sách Tiếng Anh 4(3 quyển)	133.000	Globa l
81	Tiếng Việt 5, tập một	20.000	KNTT
82	Tiếng Việt 5, tập hai	18.600	KNTT
83	Toán 5, tập một	18.500	KNTT
84	Toán 5, tập hai	18.000	KNTT
85	Tin học 5	11.000	KNTT
86	Khoa học	14.800	Cánh diều
87	Lịch sử&Địa lý	15.800	Cánh diều
88	Công nghệ 5	7.000	KNTT
89	Đạo đức 5	9.000	KNTT
90	Âm nhạc 5	9.200	KNTT
91	Mĩ thuật 5	9.800	CTST
92	Hoạt động trải nghiệm 5	14.400	Cánh diều
93	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập 1	16.000	KNTT
94	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập 2	16.000	KNTT
95	Vở bài tập Toán 5, tập 1	18.000	KNTT
96	Vở bài tập Toán 5, tập 2	17.000	KNTT
97	Vở bài tập Đạo đức 5	8.000	KNTT
98	Vở BT Công nghệ 5	5.000	KNTT
99	Vở BT Tin 5	10.000	KNTT
100	Vở BT Khoa học 5	19.000	Cánh diều
101	Vở BT LS& ĐL 5	22.000	Cánh diều
102	Bộ sách Tiếng Anh 5(3 quyển)	129.100	Globa l

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường Tiểu học Hiệp Cát đã được kiểm định chất lượng giáo dục và đạt tiêu chuẩn kiểm định cấp độ 3 và trường Chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 4/2023.

Bảng thống kê kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2		x	x	x
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3		x	x	
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chí 3.7		x	x	
Tiêu chí 3.8		x	x	
Tiêu chuẩn 4		x	x	x
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5		x	x	x
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x

5	3 Nhóm lớp linh hoạt (1 Cờ vua, 1 Toán +Tiếng Việt, 1 Tiếng Anh tăng cường)	0			0			35	18	17						
6	3 Nhóm lớp linh hoạt (1 Cờ vua, 1 Toán +Tiếng Việt, 1 Tiếng Anh tăng cường)										35	18	17			
7	4 Nhóm lớp linh hoạt: 1 Tiếng Anh, 1 Tiếng Việt, 1 Toán, 1 Cờ vua	0			0			0			0			35	18	17
TỔNG		1225	630	595	1225	630	595	1225	630	595	1225	630	595	1225	630	595
4. Hoạt động thể dục thể thao sau giờ học																
1	Cờ vua nhóm tự nguyện các nhóm lớp	64	64		64	64		64	64		64	64		64	64	
2	Bóng đá tự nguyện các lớp 3,4,5	64	64		64	64		64	64		64	64		64	64	

Các hoạt động trải nghiệm, hoạt động tập thể.

- Tổ chức các buổi trải nghiệm (hoạt động tập thể) theo chủ điểm của tháng, tuần như: “Hội diễn văn nghệ theo chủ đề hàng tuần”, “Tết Trung thu”, “Tết trồng cây”, các cuộc thi, Ngày hội thiếu nhi vui khỏe- Tiến bước lên đoàn ...

- Tổ chức trải nghiệm ngoài nhà trường cho học sinh tới các địa điểm di tích lịch sử tại địa phương (Nghĩa trang liệt sĩ xã; di tích cách mạng di tích lịch sử Đình Đại Lã, địa điểm thành lập Chi bộ đảng xã Hiệp Cát; khu di tích Nhà tưởng niệm Bác Hồ về thăm xã Nam Chính; di tích địa điểm thành lập Chi Đảng bộ huyện Nam Sách tại Đình Đầu xã Hợp Tiến; di tích Đền thờ Lương Quốc Trạng Nguyên Mạc Đình Chi xã Nam Tân; thăm xí nghiệp Gốm sứ Chu Đậu xã Thái Tân, Nhà truyền thống và Nghĩa trang liệt sĩ huyện Nam Sách, Tham quan trải nghiệm tại Bảo tàng tỉnh Hải Dương).

2. Kết quả giáo dục thực tế (theo Khoản 2, Điều 9):

Khối	Số HS	HTXS (%)	HTT (%)	HT (%)	CHT (%)	Khen HSXS (%)	Khen HSTB (%)	HTCTLH (%)
1	134	60 (44.8)	27 (20.1)	47 (35.1)		60 (44.8)	27 (20.1)	134 (100)
2	129	52 (40.3)	25 (19.4)	52 (40.3)		52 (40.3)	25 (19.4)	129 (100)
3	111	45 (40.5)	22 (19.9)	44 (39.6)		45 (40.5)	22 (19.9)	111 (100)
4	145	55 (38)	31 (21.3)	59 (40.7)		55 (38)	31 (21.3)	145 (100)
5	135	49 (36.3)	27 (20)	59 (43.7)		49 (36.3)	27 (20)	135 (100)
Tổng	654	261 (40)	132 (20)	261 (40)		261 (40)	132 (20)	654 (100)

Bảng tổng hợp Học sinh thi đạt giải các sân chơi:

1	IOE (Olympic Tiếng Anh) ¹	4 HS	6 HS	5 HS
2	Trạng Nguyên Tiếng Việt ²	53	45	

¹ IOE Tiếng Anh trên mạng khối 3,4,5: 8 học sinh đạt giải (cấp huyện 2, cấp tỉnh 2, cấp toàn quốc: 4 hoàn thành tốt)

3	Đấu trường toán học VioEdu.vn ³	28	08	
4	Trạng Nguyên nhỏ tuổi huyện ⁴	5		
5	Bóng đá mini nam (giải thể thao)	17/19		
6	Cờ vua ⁵	3	2	
Tổng số học sinh đạt giải		89	55	5

3. Chương trình giáo dục tích hợp (theo Khoản 3, Điều 9):

Trường đã tích hợp các chương trình giáo dục kỹ năng sống, giáo dục STEM vào giảng dạy, giúp học sinh phát triển toàn diện về tư duy và kỹ năng thực hành.

4. Đưa nội dung giáo dục tích hợp vào đây

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được giao năm 2024

Tổng dự toán ngân sách được giao: 6.719.568.000 đồng

Trong đó:

Chi thường xuyên: 6.489.834.000 đồng

Chi không thường xuyên (nếu có): 229.734.000 đồng

Các khoản chi khác: 0 đồng

2. Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

Tổng số quyết toán: 6.719.568.000 đồng

Trong đó:

Chi lương và các khoản phụ cấp: 5.886.106.100 đồng

Chi hoạt động chuyên môn: 538.786.800 đồng

Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ, văn phòng phẩm: 197.365.300 đồng

Các khoản chi khác: 97.309.800 đồng

3. Các khoản thu, chi từ nguồn tài chính khác (ngoài NSNN)

STT	Khoản thu	Số dư đầu năm	Thực thu		Thực hiện chi	Tồn quỹ
			Kỳ I	Kỳ II		
1	Học 2 buổi/ngày	18.372.528	0	618.109.000	606.194.028	30.287.500
2	Học kỹ năng sống	0	0	182.562.500	182.562.500	0
3	Trông xe	0	22.770.000	0	19.286.100	3.483.900
4	Bảo hiểm thân thể	0	145.413.000	0	145.413.000	0
5	Bảo hiểm y tế	0	577.886.360	14.111.587	591.997.947	0

² Trạng Nguyên Tiếng Việt trên mạng: 52 em đạt giải (Giải Nhất 35 em, giải Nhì 15 em, giải Ba 2).

³ Tổng 44 em, trong đó GCN Hoàn thành Xuất sắc 15 em, GCN hoàn thành tốt 13 em, GCN hoàn thành 16 em

⁴ 4/5 em tham gia đạt Tiến sỹ = 80%,

⁵ Học sinh tham gia giải cờ vua cấp huyện: 6/10 em = 60 % (Giải Nhất 1 em, giải Nhì 01 em, giải Ba 02 em, giải Khuyến khích 02 em). Toàn đoàn xếp thứ 9/19.

6	Chăm sóc SKBD	15.658.350	0	41.282.865	31.983.350	24.957.865
7	Lao động vệ sinh	8.287.300	117.540.000	0	125.827.300	0
8	Đồ dùng bán trú	0	2.068.000	0	0	0
	Chăm sóc bán trú	0	31.280.000	53.380.000	84.660.000	0
	Bữa ăn bán trú	0	130.587.600	222.850.800	163.935.600	0
9	Tiền sách vở học sinh	0	148.661.800	0	148.661.800	0
10	Tiền đồng phục	0	49.595.900	0	49.595.900	0
11	Thẻ học sinh	0	3.982.000		3.982.000	0
12	Tiền % công tác tuyên truyền BHTT	0	9.510.000	0	9.510.000	0
13	Tiền % Kỹ Năng sống	27.500.572	0	36.512.500	55.067.572	8.945.500
	Cộng	69.818.750	1.239.294.660	1.168.809.252	2.408.179.897	67.674.765

4. Tình hình thực hiện các khoản thu, chi tài chính khác

Các khoản thu, chi phát sinh ngoài ngân sách nhà nước đều thực hiện đúng quy định, có chứng từ hợp lệ, được công khai tới cha mẹ học sinh trong các cuộc họp đầu năm và giữa năm học.

Không có khoản thu trái quy định hoặc lạm thu.

5. Việc thực hiện các chính sách tài chính đối với học sinh năm học 2024-2025

Miễn, giảm học phí: Không áp dụng (do không thu học phí cấp tiểu học).

Hỗ trợ chi phí học tập:

Số học sinh được hỗ trợ: 09 em

Mức hỗ trợ: 600.000 đồng/em/HKI

Tổng kinh phí hỗ trợ trong học kì I: 5.400.000 đồng

Học bổng, hỗ trợ khác :

Số học sinh được hỗ trợ: 02 em

Mức hỗ trợ: 7.488.000 đồng/em/HKI

Tổng mức hỗ trợ học bổng trong học kì I: 14.976.000 đồng.

Trường TH Hiệp Cát công khai trong trường học, cuối năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử; (để công khai)
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thiện Khiêm